

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2021

“V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Hoàng.

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 152/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 và Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Kim A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 4, tổ 40, khóm 4, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Văn Tr, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 4, tổ 40, khóm 4, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn chị Lê Thị Kim A có mặt; bị đơn anh Lê Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim A và anh Tr kết hôn với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 30/10/1998.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Mỗi khi vợ chồng cãi nhau, anh Tr thường đánh chị Kim A và chị Kim A có báo sự việc đến chính quyền địa phương nhiều lần. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh Tr có hành vi ghen tuông vô cớ, anh Tr không quan tâm đến gia đình, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị Kim A lo. Tuy hai vợ chồng sống chung nhà nhưng cả hai đều không quan tâm đến nhau, khoảng hơn 01 năm nay cả hai đều có cuộc sống riêng tư.

Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần hoà giải, tìm cách hàn gắn tình cảm cho chị Kim A và anh Tr nhưng không thành.

Nay chị Kim A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Kim A yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Kim Th, sinh ngày 05/3/1996, Lê Chánh Tr, sinh ngày 05/01/1998 và Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008.

Hiện nay, 02 con chung Lê Thị Kim Th và Lê Chánh Tr đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung tên Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008, hiện con chung đang sống với vợ chồng. Khi ly hôn, chị Kim A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008. Chị Kim A không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

***Tại phiên hoà giải ngày 23/4/2021, bị đơn anh Lê Văn Tr trình bày như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tr thống nhất lời trình bày của chị Kim A về thời gian kết hôn.

Anh Tr thừa nhận vợ chồng có thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do chị Kim A thay đổi tính tình, hai vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau, cả hai đều có cuộc sống riêng tư khoảng 01 năm nay. Anh Tr thừa nhận có đánh chị Kim A 01 lần vào cuối năm 2020, không gây thương tích, chị Kim A có báo với Công an Phường 4 thì Công an có vào nhà nhưng không lập biên bản chỉ khuyên anh Tr.

Nay anh Tr không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Kim A lý do các con đã lớn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Kim Th, sinh ngày 05/3/1996, Lê Chánh Tr, sinh ngày 05/01/1998 và Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008.

Hiện nay, 02 con chung Lê Thị Kim Th và Lê Chánh Tr đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008, hiện con chung đang sống với vợ chồng. Trường hợp ly hôn, anh Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008. Anh Tr không yêu cầu chị Kim A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con và bị đơn anh Lê Văn Tr có địa chỉ tại số 4, tổ 40, khóm 4, Phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Văn Tr có mặt. Tuy nhiên, tại phiên toà bị đơn Lê Văn Tr vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lê Văn Tr là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim A và anh Lê Văn Tr kết hôn với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 30/10/1998 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Kim A và anh Tr là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Kim A và anh Tr đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Tr thừa nhận có đánh chị Kim A. Tuy sống chung nhà nhưng chị Kim A và anh Tr đều không quan tâm đến nhau, cả hai đều có cuộc sống riêng tư khoảng 01 năm nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị Kim A và anh Tr sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kim A, yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Tr là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Kim Th, sinh ngày 05/3/1996, Lê Chánh Tr, sinh ngày 05/01/1998 và Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008.

Hiện nay, 02 con chung Lê Thị Kim Th và Lê Chánh Tr đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008, hiện con chung đang sống với vợ chồng, chị Kim A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008. Anh Tr trình bày trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Hoàng H đang ở độ tuổi trưởng thành nên cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Bên cạnh đó, theo nguyện vọng của cháu H là được sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét thấy để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần cho trẻ nên việc giao con chung Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008 cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Kim A.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Kim A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị Kim A và anh Tr không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Chị Kim A và anh Tr không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lê Văn Tr không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;*

*Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim A, chị Lê Thị Kim A được ly hôn với anh Lê Văn Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Kim Th, sinh ngày 05/3/1996, Lê Chánh Tr, sinh ngày 05/01/1998 và Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008.

Hiện nay, 02 con chung Lê Thị Kim Th và Lê Chánh Tr đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008, hiện con chung đang sống với vợ chồng, chị Lê Thị Kim A được trực tiếp nuôi con chung Lê Hoàng H, sinh ngày 01/11/2008.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Kim A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh Tr không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007708 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Văn Tr không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Huế**